

Số: 39/NQ-HĐND

Hợp Thành, ngày 17 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HỢP THÀNH
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) cho các địa phương thực hiện Chương trình;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức

phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 315/NQ-HĐND ngày 13/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình;

Căn cứ Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 24/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 15/9/2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Hợp Thành với tổng kế hoạch vốn: 9.412 triệu đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, bốn trăm mười hai triệu đồng chẵn*), cụ thể như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026: 6.986 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 3.378 triệu đồng;
- Vốn ngân sách tỉnh: 3.000 triệu đồng;
- Vốn ngân sách xã: 608 triệu đồng;

2. Vốn xi măng dự kiến quy đổi thành tiền: 1.450 triệu đồng, khối lượng xi măng dự kiến 1.000 tấn;

3. Vốn huy động hợp pháp khác dự kiến: 553 triệu đồng. Việc huy động phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01 kèm theo Nghị quyết)

2. Dự toán chi thường xuyên năm 2026: 1.807 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.057 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 560 triệu đồng;
- Ngân sách xã từ nguồn dự phòng năm 2026: 190 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 02 kèm theo Nghị quyết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết; giao dự toán, kế hoạch vốn chi tiết cho các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư theo đúng thẩm quyền, đúng mục tiêu, nội dung, đối tượng, tiêu chí, định mức và cơ cấu nguồn vốn được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

- Đối với vốn đầu tư công, chỉ triển khai các nhiệm vụ, dự án khi đủ điều kiện, thủ tục theo quy định; quản lý chặt chẽ tiến độ, khối lượng, chất lượng, chi phí và giải ngân; không bố trí, sử dụng vốn sai mục đích, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với phần vốn chưa cân đối đủ so với tổng mức đầu tư, chỉ thực hiện trong phạm vi nguồn vốn được giao và khả năng cân đối hợp pháp.

- Đối với kinh phí chi thường xuyên, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phải lập dự toán chi tiết, thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi và phạm vi dự toán; không sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện nội dung thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu, đối tượng thụ hưởng và kết quả thực hiện. Trường hợp cần bổ sung, điều chỉnh giữa các nhiệm vụ, nội dung thành phần, dự toán của các đơn vị, giao UBND xã chủ động thực hiện điều chỉnh đảm bảo phù hợp với thực tế nhu cầu sử dụng nguồn vốn và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các công trình làm đường bê tông có vốn huy động hợp pháp khác là 20% trên tổng kế hoạch vốn của ngân sách nhà nước (*không bao gồm xi măng*); việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phải bảo đảm tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, thanh toán, quyết toán, báo cáo, kiểm tra, giám sát, đánh giá; kịp thời rà soát, xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc và việc điều chỉnh dự toán, kế hoạch vốn theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thường trực UBMTTQ xã;
- Các phòng, trung tâm, đoàn thể của xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Tổ đại biểu HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT,

Mã Minh Hải



PHỤ BIỂU 01

Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của HĐND xã Hợp Thành)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG năm 2026	Trong đó:			Vốn xi măng dự kiến (quy đổi thành tiền)	Huy động hợp pháp	Dự kiến số tấn xi măng (tấn)	Hiện trạng công trình	Dự kiến quy mô đầu tư cải tạo, nâng cấp	Ghi chú
							Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Ngân sách xã						
1	2	3	4	6	$7=8+12+13$	$8=9+10+11$	9	10	11	12	13	14	16	17	18
	TỔNG CỘNG:				17.970	6.986	3.378	3.000	608	1.450	553	1.000			
1	Đường bê tông các xóm Na Dau, Đồng Chợ, Na Lăng (Tuyến từ xóm Na Tùn đi xóm Na Dau; Tuyến đường tránh lũ xóm Đồng Chợ; Tuyến đường từ xóm Na Mọn đi xóm Khuân Rây cũ)	Xã Hợp Thành	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	Năm 2026-2028	1.498	565	303	207	55	286	105	197	-Tuyến từ xóm Na Tùn đi xóm Na Dau dài khoảng 270m, rộng 4m, hiện là đường đất đã xuống cấp, mặt đường gồ ghề; mùa khô bụi bẩn, mùa mưa lầy lội, trơn trượt. - Tuyến đường tránh lũ xóm Đồng Chợ dài khoảng 300m, rộng 4m, hiện là đường đất. - Tuyến đường từ Na Mọn đi Khuân Rây cũ dài khoảng 300m, rộng 4m, hiện là đường đất, có suối chảy qua. Các tuyến đường này đã xuống cấp, mặt đường gồ ghề; mùa khô bụi bẩn, mùa mưa lầy lội, trơn trượt, gây nhiều khó khăn, mất an toàn cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa và sinh hoạt của Nhân dân. - Đầu tư xây dựng đường bê tông từ xóm Na Tùn đi xóm Na Dau dài 270m, rộng 3,5m, chiều dày 0,18m, chiều dài khoảng. - Đầu tư xây dựng đường bê tông tránh lũ xóm Đồng Chợ dài 300m, rộng 3m, dày 0,18m. - Đầu tư xây dựng đường bê tông từ xóm Na Mọn đi xóm Khuân Rây cũ dài 300m, rộng 3m, dày 0,18m.	Khối lượng xi măng thực hiện dự án 197 tấn, đơn giá xi măng dự kiến 1,45 triệu đồng/tấn Tổng mức đầu tư 1.498 trđ (trong đó: NSNN 80%; Huy động hợp pháp 20%)	



Handwritten signature

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tu/Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG năm 2026	Trong đó:			Vốn xi măng dự kiến (quy đổi thành tiền)	Huy động hợp pháp	Dự kiến số tấn xi măng (tấn)	Hiện trạng công trình	Dự kiến quy mô đầu tư cải tạo, nâng cấp	Ghi chú
							Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Ngân sách xã						
1	2	3	4	6	$7=8+12+13$	$8=9+10+11$	9	10	11	12	13	14	16	17	18
2	Đường bê tông xóm Ôn Lương (Tuyến đường Cây Thị; Tuyến đường Bãi Rác Na Tùn ra TL 263)	Xã Hợp Thành	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	Năm 2026- 2028	1.362	360	174	155	31	400	72	276	- Tuyến đường bê tông Cây Thị, xóm Ôn Lương hiện rộng khoảng 3m, được đầu tư từ lâu, mặt đường đã xuống cấp, chật hẹp, không đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế của Nhân dân. - Tuyến đường Bãi Rác Na Tùn ra tỉnh lộ ĐT263 dài khoảng 800m, rộng 4m, hiện là đường đất đã xuống cấp, mặt đường gồ ghề; mùa khô bụi bẩn, mùa mưa lầy lội, trơn trượt, gây nhiều khó khăn, mất an toàn cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa và sinh hoạt của Nhân dân.	- Đầu tư xây dựng tuyến đường bê tông Cây Thị rộng 6m, dày 0,18m, dài 300m. - Đầu tư xây dựng tuyến bê tông đường Bãi Rác Na Tùn ra TL 263 dài 800m, rộng 3m, dày 0,18m.	Khối lượng xi măng thực hiện dự án 276 tấn, đơn giá xi măng dự kiến 1,45 triệu đồng/tấn Tổng mức đầu tư 1.362 trđ (trong đó: NSNN 80%; Huy động hợp pháp 20%)

Chợ

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tu/Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG năm 2026	Trong đó:			Vốn xi măng dự kiến (quy đổi thành tiền)	Huy động hợp pháp	Dự kiến số tấn xi măng (tấn)	Hiện trạng công trình	Dự kiến quy mô đầu tư cải tạo, nâng cấp	Ghi chú
							Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Ngân sách xã						
1	2	3	4	6	7=8+12+1 3	8=9+10+11	9	10	11	12	13	14	16	17	18
3	Mở rộng Đường bê tông 6m xóm Phú Thành	Xã Hợp Thành	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	Năm 2026- 2028	1.944	530	256	228	46	552	106	381	Tuyến đường bê tông xóm Phú Thành hiện rộng khoảng 3m, được đầu tư từ lâu, mặt đường đã xuống cấp, chật hẹp, không đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế của Nhân dân	Nhân dân đã đồng thuận giải phóng mặt bằng mở rộng 6m từ năm 2024 nhưng đến nay chưa được đầu tư, có nguy cơ tái lấn chiếm. Vì vậy, cần ưu tiên đầu tư sớm để phát huy mặt bằng đã giải phóng, đáp ứng nguyện vọng Nhân dân, bảo đảm giao thông và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	Khối lượng xi măng thực hiện dự án 381 tấn, đơn giá xi măng dự kiến 1,45 triệu đồng/tấn Tổng mức đầu tư 1.944 trđ (trong đó: NSNN 80%; Huy động hợp pháp 20%)

Lucy

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG năm 2026	Trong đó:			Vốn xi măng dự kiến (quy đổi thành tiền)	Huy động hợp pháp	Dự kiến số tấn xi măng (tấn)	Hiện trạng công trình	Dự kiến quy mô đầu tư cải tạo, nâng cấp	Ghi chú
							Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Ngân sách xã						
1	2	3	4	6	7=8+12+13	8=9+10+11	9	10	11	12	13	14	16	17	18
4	Sửa chữa nhà 2 tầng 6 phòng Phân hiệu 2 - Trường Tiểu học Hợp Thành	Xóm Ôn Lương, xã Hợp Thành	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	Năm 2026-2028	2.200	1.280	619	550	111	58		40	Nhà 2 tầng 6 phòng được đưa vào sử dụng từ năm 2006, hiện đã xuống cấp; mái tôn, cửa đi, cửa sổ, nền gạch, tường và lan can hành lang nhiều vị trí hư hỏng, ảnh hưởng đến an toàn sử dụng và mỹ quan trường học.	Sửa chữa, cải tạo nhà 2 tầng 6 phòng; thay mái tôn và hệ thống thoát nước, cửa đi và cửa sổ; cải tạo nền, phá bỏ bức giăng không còn phù hợp, sơn sửa tường và các hạng mục xuống cấp để bố trí các phòng hỗ trợ học tập, bảo đảm an toàn và đáp ứng yêu cầu cơ sở vật chất trường học.	Khối lượng xi măng thực hiện dự án 40 tấn, đơn giá xi măng dự kiến 1,45 triệu đồng/tấn
5	Trường THCS Hợp Thành. Hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ	Xóm Tiến Bộ, xã Hợp Thành	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	Năm 2026-2028	7.416	4.251	2.026	1.860	365	67		46	Thiếu phòng học và các phòng bộ môn, phòng chức năng	Xây dựng: Nhà 2 tầng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ	Khối lượng xi măng thực hiện dự án 80 tấn (năm 2026 phân bổ 46 tấn), đơn giá xi măng dự kiến 1,45 triệu đồng/tấn

lag

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tu/Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG năm 2026	Trong đó:			Vốn xi măng dự kiến (quy đổi thành tiền)	Huy động hợp pháp	Dự kiến số tấn xi măng (tấn)	Hiện trạng công trình	Dự kiến quy mô đầu tư cải tạo, nâng cấp	Ghi chú
							Vốn NSTW	Vốn NS Tỉnh	Ngân sách xã						
1	2	3	4	6	$7=8+12+13$	$8=9+10+11$	9	10	11	12	13	14	16	17	18
6	Sửa chữa, nâng cấp 08 nhà văn hóa xóm trên địa bàn xã Hợp Thành (các xóm: Hiệp Hòa, Mãn Quang, Tiến Bộ, Phú Thành, Na Dau, Đồng Rôm, Đồng Chợ, Thâm Trung cũ)	Xã Hợp Thành	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	Năm 2026- 2028	3.550					87	270	60	Nhà văn hóa các xóm được xây dựng theo quy mô dân số trước khi sáp nhập, hiện diện tích nhỏ, cơ sở vật chất còn thiếu và một số hạng mục đã xuống cấp. Sau sáp nhập, số hộ, dân số tăng, công trình không còn đáp ứng nhu cầu hội hợp, sinh hoạt văn hóa, cộng đồng của Nhân dân.	Việc sửa chữa, cải tạo, mở rộng và nâng cấp các nhà văn hóa là rất cấp thiết, nhằm bảo đảm diện tích, quy mô theo tiêu chí hiện hành và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.	Khối lượng xi măng thực hiện dự án 60 tấn, đơn giá xi măng dự kiến 1,45 triệu đồng/tấn. Tổng mức đầu tư 3.550 trđ (trong đó: NSNN 80%; Huy động hợp pháp 20%)

Lucy





PHỤ BIỂU 02: Phân bổ nguồn chi thường xuyên năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Hợp Thành

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 17/9/2026 của HĐND xã Hợp Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	1.807	1.057	560	190		
1	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu	111	65	34	12		
1.1	Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa.	110	65	34	11	Phòng Kinh tế	
-	Phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã;	110	65	34	11		
2	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường	54	31	17	6		

Long

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
-	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP;	54	31	17	6	Phòng Kinh tế	
3	Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững	121	71	37	13		
3.1	Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi;	121	71	37	13	Phòng Văn hóa-Xã hội	
3.1.1	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ	43	25	13	5		
3.1.2	Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh	42	25	13	4		

long

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
3.1.3	Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn.	36	21	11	4		
4	Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới	367	215	114	38		
4.1	Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo;	85	50	26	9	Phòng Văn hóa-Xã hội	
4.1.1	Bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững.	41	25	12	4		
4.1.2	Tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp.	44	25	14	5		
4.2	Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	128	75	40	13	Trung tâm hành chính công	
-	Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính	128	75	40	13		

Long

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
4.3	Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương. Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng NTM, giảm nghèo.	154	90	48	16	Văn phòng HĐND&UBND xã	
4.3.1	Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân.	77	45	24	8		
4.3.2	Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương.	77	45	24	8		
5	Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn	256	150	79	27		
5.1	Nội dung 01: Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN;	170	100	52	18		

lag

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
-	Dự án/Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp	170	100	52	18	Trung tâm Dịch vụ tổng	
5.2	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”.	86	50	27	9	Phòng Văn hóa - Xã hội	
-	Tập huấn nâng cao năng lực về chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	86	50	27	9		
6	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn	118	79	25	14		
6.1	Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”;	118	79	25	14	Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã	

luy

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
-	Dự án "Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương"	60	40	13	7		
-	Dự án "trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư"	58	39	12	7		
7	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững	402	235	125	42		
7.1	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; xây dựng, nhân rộng mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc", tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình;	86	50	27	9	Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể	
-	Dự án "Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững"	86	50	27	9		

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
7.2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”;	171	100	53	18	Ủy ban mặt trận tổ quốc	Hoạt động của Hội Nông dân
-	Dự án "Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030"	171	100	53	18		Hoạt động của Hội Nông dân
7.3	Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam;	145	85	45	15	Ủy ban mặt trận tổ quốc	Hoạt động của Hội Phụ nữ
-	Dự án "Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam"	145	85	45	15		Hoạt động của Hội Phụ nữ
8	NỘI DUNG THÀNH PHẦN 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (gồm 2 nội dung cụ thể)	206	111	75	20		
-	Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.	85,0	46,0	31,0	8,0	BCH Quân sự xã	

Lucy

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
-	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.	121	65,0	44,0	12,0	Công an xã	
9	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững	172	100	54	18		
9.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình.	86	50	27	9	Phòng Kinh tế	
9.2	Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững.	86	50	27	9	Phòng Kinh tế	

lag

STT	Nội dung thực hiện	Phân bổ vốn năm 2026				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
1	2	4=5+6+7	5	6	7	8	9
-	Tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững.	86	50	27	9		

lay

